

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2024
“V/v Tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại do tài sản bị
xâm phạm”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 76/TB-TA ngày 16 tháng 02 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa dân sự trực tuyến số 85/TB-TA ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Ngọc T – sinh năm 1972; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc T:** Bà Phan Thị Thu T1 – sinh năm 1985; địa chỉ: số B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Ông Trần E – sinh năm 1969; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1978; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Ngô Thị Thục Q – sinh năm 1973; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Thục Q:* Ông Trần E – sinh năm 1969; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án.

(Bà Phan Thị Thu T1, ông Trần E có mặt; bà Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Ngọc T do bà Phan Thị Thu T1 người đại diện theo ủy quyền, trình bày:*

Gia đình ông Lê Ngọc T và gia đình ông Trần E có mâu thuẫn trước đó nên vào ngày 19/9/2021 ông E dùng cây đập vỡ 08 tấm tôn fibro xi măng dài 1,50m thuộc mái nhà của ông T. Đến ngày 21/9/2021, ông Trần E tiến hành xây tường rào và dựng trụ bê tông dính vào tường rào phía Bắc thửa 1015, tờ bản đồ số 22, xã P của ông T, ông T không đồng ý nên ông T đã nhổ và dịch chuyển trụ bê tông của ông E ra khỏi tường rào của ông T. Lúc này hai bên xảy ra cãi vã và ông E đã đập phá hỏng tường rào xây gạch của ông T tại 2, vị trí (80cm x 130cm) và (50cm x 70 cm).

Nay ông Lê Ngọc T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giải quyết buộc ông Trần E bồi thường cho ông và vợ là bà Nguyễn Thị N các khoản thiệt hại gồm: 08 tấm tôn fibro xi măng và công thợ; tiền công thợ và vật liệu sửa chữa tường rào bị hỏng với giá đã định tổng cộng là: 1.238.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông chỉ chấp nhận bồi thường 100.000 đồng khắc phục 01 lần nhổ trụ bê tông, còn 01 lần xô trụ không gây thiệt hại gì nên ông không chấp nhận bồi thường và không chấp nhận bồi thường mất thu nhập do không trồng rau dưới vùng đất mái tôn nhà ông, vì từ trước đến nay vùng đất này là đường nước chảy vào mùa mưa và ông E không có trồng cây gì trên vùng đất này.

* *Tại Đơn khởi kiện yêu cầu phản tố đề ngày 10/6/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Trần E trình bày:*

Vào ngày 08/7/2018, ông T lợp nhà có lán mái tôn fibro xi măng qua phần đất của ông (mái tôn ló ra đất rộng khoảng 60cm dài 7m) ông có yêu cầu ông T tháo dỡ nhưng ông T không chịu tháo dỡ nên ông có đập phần tôn che phủ qua phần đất của ông.

Phần đất ông T che tôn xi măng là 4,2m² nên ông không trồng rau sạch

được; do đó thiệt hại mỗi ngày ông mất thu nhập là 500 đồng, tính đến nay thiệt hại là 900.000 đồng.

Vào ngày 21/9/2021, ông xây dựng tường rào thì bị ông Lê Ngọc T hai lần xô ngã trụ bê tông nên ông phải tốn công thuê thợ và nguyên vật liệu làm lại với thiệt hại là 1.500.000 đồng.

Tổng thiệt hại 02 khoản nêu trên là 2.400.000 đồng; ông phản tố yêu cầu ông T phải bồi thường cho ông và vợ của ông là Ngô Thị Thục Q số tiền này.

Ông chấp nhận bồi thường cho ông T các khoản thiệt hại mà ông T yêu cầu theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

** Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 26/12/2022 các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà là vợ của ông Lê Ngọc T. Ngày 19/9/2021 và ngày 21/9/2021 ông Trần E gây thiệt hại cho vợ chồng bà một số tài sản như sau: đập bể 08 tấm tôn xi măng dài 1,5m, đập vỡ 2 vị trí tường rào nhà của vợ chồng bà; tổng thiệt hại đã định giá là 1.238.000 đồng. Bà N yêu cầu ông Trần E phải bồi thường cho vợ chồng bà số tiền này.

Bà không đồng ý bồi thường đối với yêu cầu phản tố của ông Trần E; vì lý do phần ngã trụ bê tông không có thiệt hại gì xảy ra. Phần diện tích đất dưới mái tôn nhà bà từ trước đến nay là đường nước chảy vào mùa mưa, ông E không trồng bất cứ cây rau hoặc hoa màu gì trên diện tích đất này nên ông E không có thiệt hại mất thu nhập do không trồng được rau xanh.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần E phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị N số tiền là 1.238.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc ông Lê Ngọc T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Trần E và bà Ngô Thị Thục Q số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bác phần yêu cầu của ông Trần E buộc ông Lê Ngọc T bồi thường thiệt hại cho ông Trần E và bà Ngô Thị Thục Q số tiền 900.000 đồng không trồng rau sạch được do mái tôn fibro xi măng nhà của ông T che phủ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 21/8/2023, nguyên đơn là ông Lê Ngọc T có đơn kháng cáo, với nội dung: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về án phí, chi phí xem xét thẩm định

tại chỗ và chi phí định giá ông E phải chịu; chi phí xem xét do ông E nộp 1.000.000 đồng thì ông E phải chịu 50% và xem xét lại số tiền bồi thường 08 tám tole bị hỏng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ, nên được chấp nhận.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Ngọc T về phần chi phí tố tụng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 07/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi tuyên án. Ngày 21/8/2023, nguyên đơn là ông Lê Ngọc T có đơn kháng cáo. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Lê Ngọc T là hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Ngọc T:

[2.1]. Ông Lê Ngọc T kháng cáo cho rằng số tiền bồi thường tám tole với giá bằng 25% là không đúng vì ông phải mua mới tám tole để thay lại vị trí tám tole cũ nên phải tính giá bồi thường theo giá mới, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/11/2022 (bút lục số 144), ngoài thành phần Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật thì có sự tham gia của nguyên đơn là ông Lê Ngọc T. Tại biên bản định giá này, Hội đồng định giá đã khảo sát giá thị trường định giá 08 tám tole có giá 240.000 đồng; tiền công lợp lại 08 tám tole này là 250.000 đồng. Ông T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Theo biên bản đối chất ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (bút lục 170), nguyên đơn là ông T trình bày: “Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 11/11/2022, tổng

thiệt hại tài sản của tôi là 1.238.000 đồng, tôi yêu cầu ông E phải bồi thường cho tôi số tiền này”. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T đều yêu cầu ông E phải bồi thường giá trị 8 tấm tole cho ông T là 1.238.000 đồng, ông E cũng chấp nhận bồi thường cho ông T theo giá Hội đồng định giá đã định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá tài sản như trên để xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T kháng cáo cho rằng việc tính tiền bồi thường tấm tole với giá bằng 25% là không đúng nhưng ông T cũng không yêu cầu định giá lại đối với tài sản trên. Như vậy, nội dung kháng cáo này của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Lê Ngọc T về số tiền án phí và chi phí tố tụng thì thấy rằng:

[2.2.1] Về số tiền án phí:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T thì vào ngày 10/6/2022, bị đơn là ông Trần E có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu ông T phải bồi thường thiệt hại cho ông E và bà Q do mất thu nhập không trồng rau sạch được là 900.000 đồng và bồi thường thiệt hại do hai lần ông T xô ngã trụ bê tông của ông nên ông phải tốn công thợ và nguyên liệu làm lại là 1.500.000 đồng.

Xét thấy, ông T thừa nhận có hành vi 01 lần xô ngã trụ bê tông và 01 lần xô ngã xi măng của ông E, ông T đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông E theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Hành vi vi phạm pháp luật của ông T gây thiệt hại đến tài sản của ông E, do đó ông T phải bồi thường thiệt hại về tài sản bị hư hỏng cho ông E nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E về việc buộc ông T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Trần E và bà Ngô Thị Thục Q số tiền là 200.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập không trồng rau sạch được là 900.000 đồng của ông Trần E là không có căn cứ nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần E nên nguyên đơn là ông Lê Ngọc T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố của ông E được chấp nhận là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc T về việc xác định lại số tiền án phí các bên phải chịu là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Như đã nhận định ở phần [2.2.1], do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; một phần yêu cầu

phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự ông T phải số tiền chịu chi phí tố tụng $[(200.000 \text{ đồng} : 2.400.000 \text{ đồng}) \times 4.000.000 \text{ đồng}] = 333.000 \text{ đồng}$ và ông E phải chịu $(4.000.000 \text{ đồng} - 333.000 \text{ đồng}) = 3.667.000 \text{ đồng}$.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại xác định ông E và ông T mỗi người phải chịu 1/2 số tiền chi phí tố tụng, ông E phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 1.000.000 đồng là không chính xác. Lẽ ra, nguyên đơn chỉ phải chịu chi phí tố tụng đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 333.000 đồng, bị đơn phải chịu 3.667.000 đồng tiền chi phí tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo đề ngày 15/8/2023, nguyên đơn tự nguyện chịu 500.000 đồng tiền chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, do đó số tiền chi phí tố tụng nguyên đơn là ông Lê Ngọc T phải chịu là 500.000 đồng và bị đơn là ông Trần E phải chịu là 3.500.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, ông E đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng nên ông E phải hoàn trả lại cho ông T số tiền 2.500.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc xác định lại chi phí tố tụng của nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Ngọc T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về phần chi phí tố tụng.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002212 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông E đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002679 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Lê Ngọc T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0006398 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng; ông T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, ông E đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng, số tiền tạm ứng đã chi phí thanh toán xong. Ông T

phải chịu 500.000 đồng, ông E phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng; do đó ông E phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.500.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Ngọc T; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi về phần chi phí tố tụng.

Áp dụng Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần E phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị N số tiền là 1.238.000 đồng (*Một triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc ông Lê Ngọc T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Trần E và bà Ngô Thị Thục Q số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bác phần yêu cầu của ông Trần E buộc ông Lê Ngọc T bồi thường thiệt hại cho ông Trần E và bà Ngô Thị Thục Q số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) không trồng rau sạch được do mái tôn fibro xi măng nhà của ông T che phủ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải thi hành thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002212 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần E phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông E đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002679 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Ngọc T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0006398 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), ông T phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), ông E phải chịu 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí tố tụng. Ông E phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng

